TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-5-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Diệu Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tiến, bà Nguyễn Thị Bích Nga

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị PA**, sinh năm 1988.

Bị đơn: Anh **Trần Ngọc M**, sinh năm 1984.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 12/2A6 C, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Đều trú tại số 230 T, phường Ng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Ngọc M được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/05/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với bố mẹ của anh Trần Ngọc M tại số 230 T, phường N, thành phố H đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong

nuôi dạy con. Anh M không vun vén cho gia đình, không quan tâm chăm sóc con cái. Mặc dù anh chị chung sống cùng nhà nhưng vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Hai bên không còn hỏi han, quan tâm đến nhau. Vợ chồng chị đã được gia đình hai bên khuyên nhủ, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị nhận thấy giữa anh chị đã không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là Trần Nguyên P, sinh ngày 10/5/2013 và Trần Ngọc Mỹ N, sinh ngày 21/02/2017. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung và đề nghị anh M cấp dưỡng 5.000.000đ/con/tháng cho đến khi các con thành niên. Hiện nay, chị làm kiểm soát viên giao dịch tại Ngân hàng bưu điện Liên Việt - Phòng giao dịch C1 (địa chỉ tại thị trấn L, huyện C1), thời gian làm việc từ 08 giờ đến 17 giờ 30 phút hoặc 18 giờ, mức thu nhập khoảng 25.000.000đ/tháng. Chị thường là người đưa các con đi học buổi sáng, chăm sóc cho con trong sinh hoạt hàng ngày, dạy cháu P học hành. Bên cạnh đó, chị có được sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ giúp đón các cháu sau khi tan học, cho các cháu ăn uống hàng ngày tại nhà của ông bà. Khi chị đi làm về sẽ đón cả hai con đưa về nhà cho học hành, đi ngủ. Hiện cháu P đang học lớp 4C trường tiểu học V, cháu N học tại trường mầm non S đều thuộc thành phố Hải Dương. Về chỗ ở, chị có kế hoạch đưa hai con về ở với bố mẹ đẻ tại số nhà 4A phố X, phường T, thành phố H. Lý do chị muốn nuôi cả hai con bởi chị không muốn các con bị chia tách. Anh M không quan tâm, chăm sóc các con cùng chị từ khi các cháu còn nhỏ đến nay. Khoảng thời gian cháu P học lớp 1 đến lớp 3, anh M thường đánh cháu bằng roi điện những lúc cháu không nghe lời hoặc làm sai. Cháu P rất sợ hãi, không dám chia sẻ, gần gũi với bố. Từ năm cháu P lên lớp 4, anh M không còn đánh cháu và đưa cháu P đi học mỗi buổi sáng, đón về sau 2 buổi học thêm tiếng anh mỗi tuần.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với phần trình bày của chị PA về điều kiện, thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống. Tuy nhiên, anh không nhất trí với quan điểm của chị PA cho rằng anh không vun vén cho gia đình, không quan tâm đến con cái. Mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm về mọi mặt, không cảm thông, chia sẻ được với nhau. Nay, vợ chồng đã không còn tình cảm nên chị PA xin ly hôn, anh M đồng ý.

Về con chung: Anh nhất trí về các con chung như chị PA trình bày. Sau ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con, tự nguyện không yêu cầu chị PA cấp dưỡng cho con vì anh có đủ điều kiện kinh tế, chỗ ở và thời gian

chăm sóc các con. Hiện anh M làm chuyên viên tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển chi nhánh T1, thành phố H với mức thu nhập từ 23.000.000đ - 25.000.000đ/tháng. Về chỗ ở, anh đã được bố mẹ đẻ lập di chúc cho hưởng toàn bộ nhà đất tại số 230 T, phường N1, thành phố H. Anh làm việc theo giờ hành chính có thể chủ động đưa đón các con. Bên cạnh đó, anh có sự hỗ trợ của mẹ đẻ trong việc chăm sóc các cháu khi có công việc bận. Chị PA đi làm xa không thể đưa đón, chăm sóc cả hai con. Trường hợp không được nuôi cả hai con, anh M đề nghị được nuôi cháu Trần Nguyên P, giao cho chị PA nuôi cháu Trần Ngọc Mỹ N và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các Biên bản lấy lời khai cháu Trần Nguyên P trình bày: Cháu xác định mẹ là người thường xuyên quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với cháu. Bố cũng quan tâm đến anh em cháu nhưng bố nghiêm khắc, áp đặt, có đánh mắng cháu. Trước đây, bố mẹ thay nhau đưa cháu đi học. Khi cháu lên lớp 4, bố không còn đánh cháu. Do bố mẹ bận đi làm nên anh em cháu được ông ngoại đón về nhà ông bà để ăn cơm, vệ sinh cá nhân. Khoảng 18-19 giờ, mẹ cháu tan làm sẽ đến đón hai anh em về nhà. Khi nghỉ hè, hai anh em ăn ở tại nhà và được bà nội nấu cho ăn, bố mẹ đi làm về muộn sẽ ăn sau. Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Trường hợp Tòa án giao cháu cho bố nuôi, cháu muốn bố sẽ thay đổi trong phương pháp dạy cháu học, đón cháu sau mỗi buổi tan học đúng giờ.

Tại Biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Ngọc Q trình bày: Ông là bố đẻ của chị PA, nhận thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn từ lâu, mặc dù ở cùng nhà nhưng không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng ông có nhà đất riêng nên mẹ con chị PA có thể về sinh sống ổn định tại đây. Đồng thời ông bà có điều kiện sức khỏe, thời gian để giúp đỡ chị chăm sóc, đưa đón các cháu đi học hàng ngày. Ông đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các cháu, điều kiện chăm sóc, nơi ăn ở để các cháu được phát triển tốt nhất, không bị xa cách mỗi cháu một nơi.

Tại Biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh M, nhận thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn kéo dài, không chia sẻ, gắn bó, yêu thương nhau. Vợ chồng bà đã di chúc cho anh M nhà đất, bà có thể giúp đỡ anh M chăm sóc các cháu. Bà đề nghị Tòa án xem xét về điều kiện chăm sóc, nơi ăn ở để các cháu được phát triển tốt nhất.

Tại biên bản xác minh Uỷ ban nhân dân phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương: Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị PA và anh M, chính quyền địa phương không nhận được thông tin phản ánh nào về mâu thuẫn của vợ chồng. Về điều kiện nhà cửa, công việc, điều kiện nuôi con của đương sự, Ủy

ban nhân dân phường Ngọc Châu không nắm được nên không cung cấp thông tin cho Tòa án.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Ngọc M, đề nghị được nuôi cả hai con chung và đề nghị anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 5.000.000đ/con/tháng cho đến khi các con chung thành niên. Bị đơn nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị PA cấp dưỡng cho con, trường hợp anh M không được giao nuôi cả hai con anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Trần Nguyên P, chị PA nuôi cháu Trần Ngọc Mỹ N và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 8, 9, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Cho chị Nguyễn Thị PA được ly hôn anh Trần Ngọc M. Về con chung: Giao cho chị PA trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Ngọc Mỹ N, sinh ngày 21/02/2017; giao cho anh Trần Ngọc M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Nguyên P, sinh ngày 10/5/2013. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị PA khởi kiện xin ly hôn anh Trần Ngọc M, hiện bị đơn đang cư trú tại phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị PA và anh Trần Ngọc M được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 5 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

nên hôn nhân giữa chị PA và anh M là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nay hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn, mặc dù sống cùng nhà nhưng không quan tâm đến nhau nên chị PA xin ly hôn, anh M đồng ý. Xét thấy, mục đích của cuộc hôn nhân giữa chị PA và anh M không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận cho chị PA ly hôn anh M là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị PA và anh M có 02 con chung là Trần Nguyên P, sinh ngày 10/5/2013 và Trần Ngọc Mỹ N, sinh ngày 21/02/2017. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của các đương sự cũng như ý kiến của con chung. Xét thấy. chị PA, anh M đều có nghề nghiệp, thu nhập và nơi ở ổn định, đều có sự hỗ trợ trong việc chăm sóc các con từ phía gia đình nên xác định điều kiện nhận trực tiếp nuôi con của anh chị ngang nhau. Tuy nhiên, nếu giao cả hai con cho chị PA hoặc anh M trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống của mỗi bên sẽ gặp nhiều khó khăn, không đảm bảo điều kiện sống tốt nhất cho các con chung của anh chị. Mặc dù cháu P có nguyện vọng được ở với mẹ song thực tế hàng ngày, anh M đưa đón cháu P đi học, quan tâm, định hướng việc học tập của cháu P. Nơi làm việc của anh M cũng gần trường học của con nên thuận lợi, linh động hơn trong việc chăm sóc, đưa đón con. Đối với cháu N là con gái đặc biệt cần sự nuôi dưỡng, dạy dỗ, chỉ bảo, chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho các cháu phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Ngọc Mỹ N cho chị PA trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Nguyên P cho anh Trần Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung thành niên, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Chị PA, anh M xác định giữa anh chị không có tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp cho hai bên gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị PA phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị PA được ly hôn với anh Trần Ngọc M.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị PA trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Ngọc Mỹ N, sinh ngày 21/02/2017 và anh Trần Ngọc M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Nguyên P, sinh ngày 10/5/2013 cho đến khi các con chung thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị PA phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị PA đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002594 ngày 23/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị PA đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Dương;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- UBND phường Ngọc Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Diệu Linh